

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho Quý II năm 2011

HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		251,390,788,896	283,423,034,817
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,624,877,287	29,932,374,569
1 Tiền	111	V.1.	4,624,877,287	29,932,374,569
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105,535,412,939	113,598,654,555
1 Phải thu của khách hàng	131		92,661,289,241	103,973,351,405
2 Trả trước cho người bán	132		7,374,856,064	891,038,295
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	12,317,679,841	11,915,051,666
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6,818,412,207)	(3,180,786,811)
IV Hàng tồn kho	140		132,150,769,333	130,831,836,540
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	132,150,769,333	130,831,836,540
V Tài sản ngắn hạn khác	150		9,079,729,337	9,060,169,153
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,266,933,535	1,831,224,228
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,174,568,971	4,538,993,715
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	645,733,521	98,968,131
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.	4,992,493,310	2,590,983,079
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		179,110,452,346	183,120,951,743
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		148,240,184,446	150,018,832,227
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	137,204,168,575	122,407,913,766
- Nguyên giá	222		178,401,797,479	156,427,115,176
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41,197,628,904)	(34,019,201,410)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	5,084,570,611	5,227,990,009
- Nguyên giá	228		5,943,395,390	5,943,395,390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(858,824,779)	(715,405,381)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	5,951,445,260	22,382,928,452
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9,750,732,065	11,485,222,268
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8,298,275,065	10,032,765,268
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.9.	1,452,457,000	1,452,457,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		21,119,535,835	21,616,897,248
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	21,119,535,835	21,416,273,017
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	200,624,231
VI Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		430,501,241,243	466,543,986,560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		314,862,127,507	336,116,768,232
I Nợ ngắn hạn	310		240,816,058,616	256,596,751,290
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	190,542,006,670	195,904,500,734
2 Phải trả người bán	312		32,000,526,914	46,211,753,094
3 Người mua trả tiền trước	313		15,437,266,512	9,128,491,517
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	311,553,410	1,827,085,401
5 Phải trả người lao động	315		643,375,357	1,095,981,432
6 Chi phí phải trả	316		99,954,059	397,447,366
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	992,898,898	1,220,885,950
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		788,476,796	810,605,796
II Nợ dài hạn	330		74,046,068,891	79,520,016,942
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	68,952,209,624	78,489,358,584
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		5,093,859,267	1,030,658,358
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		107,344,338,982	122,486,162,248
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	107,344,338,982	122,486,162,248
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97,509,480,000	97,509,480,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16,503,370,800	16,503,370,800
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		5,997,059,645	4,263,735,782
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1,041,535,765	939,629,765
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		101,906,000	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(13,809,013,228)	3,269,945,901
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8,294,774,754	7,941,056,080
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		430,501,241,243	466,543,986,560

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thông



Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số phát sinh quý		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Quý II/2011	Quý II/2010	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/06/2011	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/06/2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	162,092,355,211	184,310,447,728	294,196,955,876	289,741,756,221
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17.	-	-	-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.18.	162,092,355,211	184,310,447,728	294,196,955,876	289,741,756,221
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.19.	147,234,918,206	172,547,500,448	261,469,383,859	265,813,486,579
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14,857,437,005	11,762,947,280	32,727,572,017	23,928,269,642
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	1,036,498,171	39,578,785	1,098,567,090	85,433,655
7 Chi phí tài chính	22	VI.21.	14,806,440,328	4,199,305,455	27,933,688,953	7,606,484,736
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9,000,178,590	4,199,305,455	19,066,970,255	7,606,484,736
8 Chi phí bán hàng	24		2,058,170,563	686,960,786	3,225,229,366	1,325,958,765
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,044,999,181	4,719,578,496	16,482,644,606	9,421,016,612
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(11,015,674,896)	2,196,681,328	(13,815,423,818)	5,660,243,184
11 Thu nhập khác	31		45,917,101	10,155	46,003,876	20,155
12 Chi phí khác	32		93,666,084	-	110,313,414	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(47,748,983)	10,155	(64,309,538)	20,155
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(161,101,240)	-	(221,712,601)	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(11,224,525,119)	2,196,691,483	(14,101,445,957)	5,660,263,339
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		237,709,632	472,528,850	280,968,438	1,227,160,542
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	200,624,231	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(11,462,234,751)	1,724,162,633	(14,583,038,626)	4,433,102,797
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		346,308,664	-	353,718,674	4,561,268
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(11,808,543,415)	1,724,162,633	(14,936,757,300)	4,428,541,528
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22.	(1,211)	177	(1,532)	454

Hà nội, 15 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Giám đốc



Trần Anh Xương

Người lập

Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng

Tạ Thu Hằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		418,430,417,263	93,405,101,894
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(363,789,102,362)	(169,786,430,087)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8,553,937,542)	(2,835,554,630)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(21,851,269,360)	(3,323,649,369)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(892,977,035)	(114,311,950)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20,529,217,187	37,477,123,189
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(47,397,410,899)	(34,175,931,427)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3,525,062,748)	(79,353,652,380)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(547,975,009)	(1,622,600,325)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,000,000)	(5,829,115,081)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(900,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,450,975,009)	(7,451,715,406)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3,000,000	32,269,115,081
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		203,057,232,750	115,567,742,226
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(218,778,306,466)	(75,969,586,604)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15,718,073,716)	71,867,270,703
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(20,694,111,473)	-14,938,097,083
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	29,639,856,320	19,283,016,149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4,320,867,560)	(130,920,690)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	4,624,877,287	4,213,998,376

ngày 15 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng



Giám đốc

Trần Anh Vương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 02 năm 2010;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 03 năm 2010;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 05 năm 2010.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất kinh doanh ống thép hàn, khung nhà và khung kho bằng thép, nội thất gia đình và trường học;
- Sản xuất kinh doanh khuôn mẫu và ép nhựa cao cấp cho ngành công nghiệp phụ trợ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: 04 3655 9257 Fax: 04 3873 3648

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1.	Công ty TNHH Kết Cấu Thép Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2.	Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt	Địa chỉ: KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, An Hải, Hải Phòng Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

3	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 79% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 79%
---	------------------------------------	---

5. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

1.	Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội Tỷ lệ phần sở hữu: 34% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 34%
2.	Công ty CP TM Đầu tư Công Nghệ Hưng Việt	A14 Khu Công đoàn Vông Thị, Tây Hồ, Hà nội Tỷ lệ phần sở hữu: 25% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

1. Kỳ kế toán Quý

Kỳ kế toán quý II của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 30/06

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp từ 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2011. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

11/06/2011